TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/DS-ST
Ngày: 18/5/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Anh Minh

2. Ông Trương Công Minh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 690/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông H Mi T, sinh năm: 1967

Địa chỉ: số 1174, ấp Mương Đường, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Minh Trí, sinh năm: 1974, Địa chỉ: số 25, đường 1/5, phường, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn theo giấy ủy quyền ngày 08/12/2022 (Xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông H C N

Địa chỉ: Ấp Hòa Trung, xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2022 và tại văn bản ngày 17/5/2023 nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 06/10/2022 ông có cho ông H C N vay số tiền 709.000.000đ cam kết trả hàng tháng số tiền 25.000.000đ trong đó tiền vốn vay là 18.000.000đ, lãi là

7.000.000đ cho đến khi thanh toán xong số tiền vốn vay. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay ông N hoàn toàn không thanh toán vốn và lãi.

Tại đơn khởi kiện ông T yêu cầu Tòa xem xét buộc ông N trả cho ông vốn vay là 709.000.000đ và lãi từ ngày vay đến ngày khởi kiện tạm tính là 14.000.000đ. Tổng vốn và lãi là 723.000.000đ. Tại văn bản ngày 17/5/2023 đại diện nguyên đơn xác định yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử là 51.050.000đ tổng cộng vốn và lãi là 760.050.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu trả vốn và lãi là 723.000.000đ. Trong đó vốn là 709.000.000đ và lãi là 14.000.000đ.

Tại phiên Tòa ông H C N trình bày: Thừa nhận ngày 06/10/2022 có viết giấy nhận nợ cho ông H Mi T xác định số tiền nợ 709.000.000đ. Tuy nhiên ông N cho rằng thực chất khoản tiền này không phải tiền vay mà là tiền do ông T đã hỗ trợ vốn cho ông để kinh doanh, thời điểm này giữa ông N và con gái ông T đã làm lễ đính hôn nhưng sau đó do ông làm ăn thất bại và không thể tổ chức lễ cưới con gái ông T theo dự định nên ông T đã buộc ông N viết giấy nhận nợ. Nay ông N xác định chỉ đồng ý trả lại số tiền 709.000.000đ nhưng thanh toán mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ, ông không đồng ý trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xin được vắng mặt tại phiên xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn vay và lãi phát sinh từ giao dịch dân sự. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Hội đồng xét xử thấy rằng giao dịch vay tiền giữa ông H Mi T và ông H C N với tổng số tiền là 709.000.000đ là có diễn ra trong thực tế. Mặc dù hiện bị đơn chỉ thừa nhận có nhận số tiền là 709.000.000đ và chỉ thừa nhận đây là nguồn tiền nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn vốn để kinh doanh không phải giao dịch vay nhưng lại thừa nhận có viết giấy nhận nợ ngày 06/10/2022 có nội dung ông H C N có mượn của ông H Mi T số tiền 709.000.000đ và ông N cam kết sẽ thanh toán số tiền trên hàng tháng 25.000.000đ bao gồm lãi suất 01%/tháng. Tại phiên tòa bị đơn vẫn thống nhất sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền trên cho nguyên đơn. Do đó đối với yêu cầu nguyên đơn buộc ông H C N thanh toán nợ 709.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tài sản thế chấp: Tại giấy nợ thể hiện bị đơn có thế chấp hai chiếc cuốc hiệu Sumitome 03, hiện cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định bị đơn đã bán 02 chiếc xe cuốc nên không đặt ra xử lý tài sản thế chấp vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về lãi suất: Tại phiên Tòa bị đơn không đồng ý trả lãi nhưng thừa nhận quá trình thỏa thuận viết biên nhận nợ có thỏa thuận sẽ thanh toán số tiền

25.000.000đ bao gồm lãi suất 01%/tháng nên có căn cứ xác định giao dịch vay của các đương sự có thỏa thuận lãi nên hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi là phù hợp nên được chấp nhận. Tại văn bản trình bày ý kiến của đại diện nguyên đơn đề nghị bị đơn phải thanh toán lãi từ ngày vay đến ngày xét xử là 51.050.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày khởi kiện là 14.000.000đ. Xét thấy sự tự nguyện này của nguyên đơn là phù hợp qui định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán: Nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận được nên việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã dự nộp án phí nên được hoàn lại.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H Mi T. Buộc ông H C N có nghĩa vụ thanh toán cho ông H Mi T khoản nợ tiền vay với tổng số tiền 723.000.000đ (Bảy trăm hai mươi ba triệu đồng). Trong đó: Tiền vốn là 709.000.000đồng, tiền lãi là 14.000.000đồng.

Kể từ ngày ông H Mi T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H C N không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông H C N phải chịu 32.920.000 đồng (chưa nộp). Ông H Mi T không phải chịu án phí. Ngày 20/12/2022 ông H Mi T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 16.460.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0002630) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Trúc